

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ HỌC KÌ I
NĂM HỌC 2023-2024
MÔN: SINH LỚP 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 50 PHÚT**

- ❖ **HÌNH THỨC:** trắc nghiệm
- ❖ **SỐ CÂU HỎI:** 40 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn - 0,25 điểm/câu
- ❖ **CẤU TRÚC ĐỀ**

STT	Đơn vị kiến thức	Câu hỏi theo mức độ nhận thức				Số câu	TỔNG ĐIỂM
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao		
1	Qui luật phân ly	3	1	2		6	1.5
2	Qui luật phân ly độc lập	3	2	2	1	8	2.0
3	Liên kết gen	2	2	1	1	6	1.5
4	Hoán vị gen	3	2	2	1	8	2.0
5	Di truyền liên kết với giới tính - Di truyền ngoài nhân	3	3	1	1	8	2.0
6	Ảnh hưởng của môi trường lên sự biểu hiện của gen	2	2			4	1.0
Số câu		16	12	8	4	40	
TỔNG ĐIỂM		4	3	2	1		10

❖ **MA TRẬN ĐẶC TẢ**

Nội dung	Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra	Câu hỏi theo mức độ nhận thức				TỔNG
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
QUI LUẬT PHÂN LY	Nhận biết - Nhận biết đối tượng nghiên cứu của Menden. - Nhận biết kết quả thí nghiệm qui luật phân ly của Menden - Nêu khái niệm, ý nghĩa của phép lai phân tích. - Phương pháp nghiên cứu của Menden. - Phương pháp tạo dòng thuần chủng của Menden. - Cơ sở tế bào học của qui luật phân ly. - Biết số loại giao tử và tỉ lệ giao tử của 1 KG.	3	1	2		6

	Thông hiểu - Nhận biết phép lai phân tích và phép lai tự thụ phấn, phép lai thuận nghịch. - Dựa vào kết quả phép lai phân tích để xác định kiểu gen của cá thể có KH trội. Vận dụng: - Bài tập cơ bản xác định kết quả phép lai 1 cặp gen: số kiểu gen, số kiểu hình, tỉ lệ phân ly kiểu gen, tỉ lệ phân ly kiểu hình, tỉ lệ của 1 cá thể ở thế hệ con.					
QUI LUẬT PHÂN LY ĐỘC LẬP	Nhận biết - Nhận biết kết quả thí nghiệm qui luật phân ly của Mendel - Nhận dạng được các công thức chung của qui luật phân li độc lập hai cặp tính trạng. - Nhận diện điều kiện nghiệm đúng của qui luật Mendel - Cơ sở tế bào học phân ly độc lập. - Ý nghĩa qui luật PLĐL. Thông hiểu - Nhận biết kiểu gen đồng hợp, kiểu gen dị hợp - Tìm số loại giao tử, tỉ lệ giao tử của 1 KG (có từ 2 cặp gen). - Sử dụng công thức chung của QLPL độc lập để xác định kết quả phép lai. Vận dụng - Bài tập cơ bản: + Xác định kết quả phép lai từ 2 cặp gen : số kiểu gen, số kiểu hình, tỉ lệ phân ly kiểu gen, tỉ lệ phân ly kiểu hình, tỉ lệ của 1 cá thể ở thế hệ con. + Tìm kiểu gen của bố mẹ dựa vào tỉ lệ kiểu hình, kiểu gen ở đời con. Vận dụng cao - Bài tập mức độ cao: + Xác định kết quả phép lai từ 2 cặp gen : số kiểu gen, số kiểu hình, tỉ lệ phân ly kiểu gen, tỉ lệ phân ly kiểu hình, tỉ lệ của 1 cá thể ở thế hệ con. + Tìm kiểu gen của bố mẹ dựa vào tỉ lệ kiểu hình, kiểu gen ở đời con. - Câu hỏi nhiều nhận định.	3	2	2	1	8
QUI LUẬT LIÊN KẾT GEN	Nhận biết - Nhận biết đối tượng nghiên cứu của Morgan. - Nêu khái niệm nhóm gen liên kết, biết được số nhóm gen liên kết của 1 loài. - Mô tả thí nghiệm của Morgan. - Cơ sở tế bào học của qui luật liên kết gen.	2	2	1	1	6

	Thông hiểu - Viết được giao tử của 1 kiểu gen khi các gen liên kết hoàn toàn. - Hiểu ý nghĩa của hiện tượng liên kết gen. - Phân biệt qui luật phân li độc lập và qui luật liên kết gen. - Viết được kiểu gen của 1 kiểu hình. Vận dụng Bài tập cơ bản xác định kết quả phép lai: số kiểu gen, số kiểu hình, tỉ lệ phân ly kiểu gen, tỉ lệ phân ly kiểu hình, tỉ lệ của 1 cá thể ở thế hệ con. - Tìm số loại giao tử và tỉ lệ giao tử. Vận dụng cao Bài tập mức độ cao: xác định kết quả phép lai: số kiểu gen, số kiểu hình, tỉ lệ phân ly kiểu gen, tỉ lệ phân ly kiểu hình, tỉ lệ của 1 cá thể ở thế hệ con. - Câu hỏi nhiều nhận định					
QUI LUẬT HOÁN VỊ GEN	Nhận biết - Mô tả thí nghiệm hoán vị gen của Morgan. - Cơ sở tế bào học quy luật hoán vị gen. - Đặc điểm của tần số hoán vị gen. - Ý nghĩa của hoán vị gen. Thông hiểu - Viết được giao tử, tỉ lệ giao tử của 1 kiểu gen khi xảy ra hoán vị gen. - Phân biệt qui luật phân li độc lập và qui luật liên kết gen, hoán vị gen. - Xác định khoảng cách giữa các gen dựa vào tần số hoán vị. Vận dụng - Bài tập cơ bản: + Xác định kết quả phép lai: số kiểu gen, số kiểu hình, tỉ lệ phân ly kiểu gen, tỉ lệ phân ly kiểu hình, tỉ lệ của 1 cá thể ở thế hệ con. + Tính tần số hoán vị gen của 1 kiểu gen. + Xác định kiểu gen dị hợp là liên kết đồng hay liên kết đối. Vận dụng cao - Bài tập mức độ cao: + Xác định kết quả phép lai: số kiểu gen, số kiểu hình, tỉ lệ phân ly kiểu gen, tỉ lệ phân ly kiểu hình, tỉ lệ của 1 cá thể ở thế hệ con. + Tìm kiểu gen của bố mẹ dựa vào tỉ lệ kiểu hình, kiểu gen ở đời con. - Câu hỏi nhiều nhận định.	3	2	2	1	8
DI TRUYỀN LIÊN KẾT	Nhận biết - Mô tả thí nghiệm đưa ra qui luật di truyền	3	3	1	1	8

VỚI GIỚI TÍNH VÀ DI TRUYỀN NGOÀI NHÂN	liên kết với giới tính và qui luật di truyền ngoài nhân. - Cơ chế xác định giới tính ở một số loài. - Nêu được khái niệm của nhiễm sắc thể giới tính. Thông hiểu - Đặc điểm di truyền của gen trên NST X, Y. - Nhận biết được 1 số bệnh do gen nằm trên nhiễm sắc thể giới tính. - Nhận diện được qui luật di truyền hoặc vị trí của gen (gen nằm trên NST thường, NST giới tính, ngoài nhân) dựa vào phép lai thuận nghịch. - Viết được giao tử/số giao tử của 1 KG. Vận dụng Bài tập cơ bản: + Xác định kết quả phép lai: số kiểu gen, số kiểu hình, tỉ lệ phân ly kiểu gen, tỉ lệ phân ly kiểu hình, tỉ lệ của 1 cá thể ở thế hệ con. + Xác định kiểu gen của bố mẹ dựa vào tỉ lệ kiểu hình, kiểu gen ở đời con. + Xác định kết quả phép lai di truyền ngoài nhân. Vận dụng cao + Xác định kết quả phép lai: số kiểu gen, số kiểu hình, tỉ lệ phân ly kiểu gen, tỉ lệ phân ly kiểu hình, tỉ lệ của 1 cá thể ở thế hệ con, xác suất sinh ra con bị bệnh/khỏe mạnh. - Câu hỏi nhiều nhận định.					
ẢNH HƯỞNG CỦA MÔI TRƯỜNG LÊN SỰ BIỂU HIỆN CỦA GEN	Nhận biết - Khái niệm thường biến, mức phản ứng. - Nêu được khái niệm sự mềm dẻo kiểu hình. - Nêu được các ảnh hưởng của điều kiện môi trường đến sự biểu hiện của gen thông qua các ví dụ. - Trình bày được mối quan hệ giữa gen và tính trạng. Thông hiểu - Đặc điểm của thường biến. - Trình bày sự tương tác giữa kiểu gen và môi trường. - Phân biệt thường biến, mức phản ứng. - Xác định được tính trạng có mức phản ứng rộng/ hẹp. - Mối quan hệ giữa giống, biện pháp kĩ thuật và năng suất. áp dụng vào trong nông nghiệp.	2	2			4
		16	12	8	4	40